

Bản án số: 304/2022/HSPT

Ngày: 12 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Lê U do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 315/2021/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 259/2022/QĐPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Lê U; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Căn hộ số 08, lầu 5, chung cư Miếu N, đường Vũ Huy T, Phường 3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L (chết) và bà Lê Thị L; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt)

Người bào chữa: Ông Nguyễn Văn T là luật sư thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

(Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Villa S là doanh nghiệp do Công ty Cornerstone VietNam Limited, mã số doanh nghiệp 1543284, do British Virgin Islands cấp ngày 10/8/2009, trụ sở tại P.0 Box 957, Offshore Incorporations Center, Road Town, Tortola, British Virgin Islands sở hữu 100% vốn. Công ty được thành lập theo giấy phép số 0312056336, do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 19/11/2012 (sau đây gọi tắt là Công ty Villa S), có chức năng kinh doanh nhà hàng - khách sạn, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Tạ Thị Thanh Thủy - Giám đốc.

Tháng 06/2016, Nguyễn Lê U được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty Villa S với chức danh được giao là nhân viên điều phối kinh doanh, trực thuộc phòng kinh doanh của Công ty. Căn cứ bảng mô tả công việc của nhân viên điều phối do công ty ban hành, nhiệm vụ của U là:

- Tiếp nhận, xử lý thông tin khách có nhu cầu đặt phòng và đặt tiệc tại Villa S thông qua số điện thoại 028.37446090, thư điện tử (email): sales@villasong.com hoặc khách đến tìm hiểu trực tiếp tại Công ty Villa S. Email sales@villasong.com do U trực tiếp quản lý và có sự giám sát của bà Tạ Thị Thanh Thủy - Giám đốc Công ty (bà Thủy cùng các quản lý có thể nhận, theo dõi và đọc tất cả các email khách hàng gửi đến email làm việc của U tại Công ty). Tại công ty với vai trò nhân viên điều phối, U có nhiệm vụ:

- Tiếp nhận nhu cầu đặt phòng và đặt tiệc.

- Tiến hành báo giá cho khách hàng dựa trên bảng giá quy định của công ty (nếu có trường hợp cần phải báo giá đặc biệt, thì U phải email xin ý kiến Giám đốc).

- Tiến hành ký hợp đồng (đối với một số trường hợp không yêu cầu hợp đồng, thì U sẽ gửi email nội dung thỏa thuận và khách hàng gửi lại email xác nhận nội dung).

- Sau khi hợp đồng được ký kết hoặc đã có email xác nhận dịch vụ từ phía khách hàng, khách hàng có trách nhiệm chuyển khoản tổng giá trị hoặc đặt cọc một phần nhiều tiệc chỉ cần xác nhận đặt tiệc qua email) như sau:

- + Nếu là khách hàng cá nhân thì phải thanh toán trước 50% - 100% giá trị dịch vụ (tùy tiệc).

- + Nếu là khách hàng công ty, thì tùy trường hợp sẽ phải thanh toán trước 100% giá trị dịch vụ hoặc đặt cọc 50% giá trị dịch vụ hoặc được nợ. Đối tượng khách hàng nào được nợ, thời hạn nợ bao lâu là do Giám đốc Công ty Tạ Thị Thanh Thủy phê duyệt.

Sau khi kết thúc dịch vụ, U có nhiệm vụ hỗ trợ phòng kế toán theo dõi nợ của khách hàng, cho đến khi quá trình thanh toán được kết thúc hoàn toàn.

Quy trình và hình thức thanh toán tiệc tại Công ty:

- Nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, sẽ thanh toán với nhân viên thu ngân của nhà hàng, Công ty xuất phiếu thu, hóa đơn VAT (nếu khách yêu cầu) theo quy trình.

- Nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, thì chuyển vào tài khoản số 0071000738042 (bằng VNĐ) hoặc 007137073850 (bằng ngoại tệ) của Công ty Villa S mở tại Ngân hàng Vietcombank (được thể hiện trong hợp đồng đặt tiệc hoặc thỏa thuận tiệc cưới). Khi tiền vào tài khoản công ty Villa S, kế toán thanh toán của Công ty sẽ gửi email cho U để hỏi khoản thanh toán của ai, tiệc nào, diễn ra vào ngày nào. U có nhiệm vụ phản hồi lại email cho kế toán thanh toán, xác nhận khoản tiền này là của ai và của tiệc nào để kế toán tiến hành nhập liệu hệ thống kế toán và theo dõi doanh thu. Với vị trí nhân viên điều phối kinh doanh, U không có nhiệm vụ thu tiền trực tiếp từ khách hàng cũng như không được nhận tiền thanh toán thay khách.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Lê U thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai: Trong quá trình làm việc tại Công ty, với vai trò nhân viên điều phối kinh doanh U chỉ được quyền tiếp nhận điện thoại, email và kiểm tra trình trạng phòng, tiếp xúc khách hàng đến liên hệ đặt tiệc. Nhưng do được Ban Giám đốc Công ty tin tưởng và muốn tạo uy tín cho bản thân, U tự đưa ra chương trình khuyến mãi nhằm thu hút nhiều khách đặt tiệc, như tặng bánh kem, hoa tươi hoặc ban nhạc cho khách. Việc này không nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty, không có chương trình khuyến mãi, giảm giá cho khách hàng. U tự lấy tiền cá nhân bù vào các khoản dịch vụ khuyến mãi đã hứa với khách. Từ đó, có thể duy trì công việc và tiếp tục giữ uy tín bản thân tại Công ty.

Trong quá trình làm việc, nhận thấy qui trình tiếp nhận thanh toán của Bộ phận kế toán có kẽ hở, nên từ tháng 2/2017, ngoài các khuyến mãi nêu trên, U tự đưa ra chiết khấu 5% phí phục vụ và giảm 10% VAT cho mỗi tiệc, với điều kiện khách chuyển tiền mặt vào tài khoản ngân hàng hoặc nộp tiền mặt trực tiếp cho U; hoặc cố ý trao đổi, cung cấp mã đặt hàng sai nội dung cho khách để chuyển tiền vào tài khoản của Công ty, sau đó, khi kế toán hỏi và yêu cầu xác nhận tiền tiệc, U phân bổ ra thành nhiều khoản khác nhau để chiếm đoạt hoặc chi trả cho những tiệc trước đó U đã thu tiền mặt của khách, theo đó:

Năm 2017, thông qua việc tiếp xúc, tư vấn, thu tiền của 05 khách hàng, Nguyễn Lê U chiếm đoạt của Công ty Villa S tổng số tiền 490.229.975 đồng, cụ thể:

1/ Khách hàng cá nhân tên R:

Tổng tiền tiệc mà Công ty Villa S phải thu vào ngày 17/06/2017 của khách hàng R là 151.963.350 đồng. Tuy nhiên, Công ty chỉ thu được 133.650.000 đồng. U chiếm đoạt của Công ty số tiền 18.313.350 đồng, bằng cách in phiếu thu giao cho khách thu tiền hai lần: Ngày 24/02/2017, U thu số tiền 1000USD; ngày 18/6/2017, U thu số tiền 1.410 USD (tỷ giá qui đổi 1000USD sang đồng là 22.665.000 đồng, theo tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank). Số tiền này, sau khi thu được, U nộp cho Công ty bằng tiền mặt thay cho khách tại quầy thu ngân

của nhà hàng (phụ lục chứng từ ngân hàng số 9,01,02), U giữ lại 18.313.350 đồng để sử dụng cá nhân và báo kế toán ghi nhận công nợ cho khách hàng này.

2/ Khách hàng Công ty T Việt Nam:

Tổng tiền tiệc mà Công ty Villa S phải thu vào trong việc cung ứng dịch vụ ngày 27/04/2017 là 52.373.475 đồng. Nhưng Công ty chỉ thu được 12.373.475 đồng do một cá nhân chuyển vào tài khoản công ty; số tiền 40.000.000 đồng chi phí tiệc còn lại Công ty không thu được (phụ lục chứng từ ngân hàng số 16). Tại cơ quan điều tra U khai, khách hàng Công ty T Việt Nam không đặt tiệc cho ngày 27/4/2017, mà thực tế là một khách hàng cá nhân có tên Trí đặt tiệc (không rõ thông tin đầy đủ). U tự giả mạo tên khách hàng quen của Công ty để đưa vào phiếu mô tả yêu cầu sự kiện là tiệc của Công ty T Việt Nam (là khách hàng quen của Công ty đã từng được Công ty cho nợ tiền tiệc) nhằm lấy lý do khách quen cho kế toán đồng ý thanh toán trả sau. Trước khi tiệc được tổ chức, U thu tiền mặt từ khách hàng tên Trí 30.000.000 đồng để chi trả vào những việc khác (U không nhớ cụ thể); sau khi tiệc được tổ chức xong, khi kế toán thúc giục thu hồi nợ từ khách, ngày 02/11/2017 U trích 12.373.475 đồng nhờ một người tên Ngô Văn Dẻo (làm thuê cho cơ sở cổng hoa cưới) đến ngân hàng nộp vào tài khoản Công ty Villa S để thanh toán tiền đặt cọc cho tiệc của Công ty T. Sau khi đã tổ chức tiệc, khách hàng tên Trí không thanh toán phần tiền 22.373.475 đồng còn lại, do U không thu được khoản tiền này và nhiều lần không liên lạc được với khách hàng tên Trí nên U nhận trách nhiệm cho số tiền 40.000.000 đồng, nhưng thực tế, U chỉ chiếm đoạt 17.626.525 đồng. Tuy nhiên, không có tài liệu nào chứng minh vì khách hàng tên Trí không có thông tin cá nhân nào khác.

3/ Khách hàng Ngân hàng T:

Tổng tiền tiệc mà Công ty Villa S phải thu vào trong việc cung ứng dịch vụ ngày 16/09/2017 là 44.750.475 đồng. Nhưng sau tiệc Công ty chỉ thu được số tiền 15.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, U khai thực tế không có khách hàng là Ngân hàng T đặt tiệc mà là tiệc sinh nhật của khách hàng cá nhân tên Phương Anh (không rõ thông tin, lại lịch). U thu từ khách hàng tên Phương Anh tổng số tiền là 44.750.000 đồng nhưng chỉ thanh toán tiền mặt cho Công ty 15.000.000 đồng, còn lại 29.750.475 đồng U chiếm đoạt và báo với kế toán ghi nhận công nợ khoản tiền này cho khách hàng Ngân hàng T.

4/ Khách hàng Công ty S:

- Căn cứ bảng mô tả tiệc và hợp đồng đã ký với Công ty S, tổng tiền tiệc và phòng ở mà Công ty Villa S phải thu vào trong việc cung ứng dịch vụ ngày 15/09/2017 là 308.221.175 đồng. Nhưng trong các ngày 29/6/2017 và 05/9/2017, sau khi nhận chuyển khoản từ Công ty S Japan tổng số tiền 346.188.050 đồng, U đã 03 lần gửi email cho kế toán và các bộ phận, phân bổ số tiền này ra thành những khoản nhỏ, xác nhận với kế toán thanh toán số tiền 136.966.100 đồng trên tổng số 230.099.000 đồng thanh toán cho tiệc của khách hàng tên Mimi và Andrew được tổ chức ngày 08/7/2017 (U đã thu tiền mặt của khách), số tiền 209.221.950 đồng U | báo với kế toán thanh toán cho tiền tiệc của Công ty S đúng thực tế. Gây ra khoản công nợ chưa thu hồi được cho hai

tiệc là 192.132.325 đồng (chứng từ ngân hàng số 10,15 và thư điện tử U gửi cho bộ phận kế toán).

5/ Khách hàng Công ty A (thực tế là khách hàng Công ty A):

Tổng tiền tiệc mà Công ty Villa S phải thu vào trong việc cung ứng dịch vụ tiệc cưới (khách hàng Việt Hà Công ty A) ngày 16/12/2017 là 453.124.325 đồng, nhưng Công ty chỉ thu được số tiền 243.090.000 đồng. Trong đó, có 30.000.000 đồng U tự nộp tiền (chứng từ phiếu thu dưới dạng khách hàng thanh toán tiền mặt sau khi tiệc kết thúc vào tài khoản Công ty từ tiền nhận được của khách hàng Việt Hà (nộp tiền mặt) và 213.090.000 đồng của khách hàng Công ty Sunplast chuyển khoản đặt cọc cho tiệc ngày 29/12/2017 (chứng từ ngân hàng của Công ty Sunplast chuyển khoản cho Công ty Villa S, số 17,19,20) nhưng U phân bổ thanh toán cho tiệc của Công ty Sơn Kim Land (U thu tiền mặt trước đó), U chiếm đoạt 210.033.825 đồng của Công ty.

Năm 2018, bằng thủ đoạn tương tự như đưa ra chiết khấu, giảm 5% phí phục vụ và 10% VAT ngoài chính sách của Công ty, nhằm thúc đẩy khách hàng thanh toán đặt cọc và một phần tiền tiệc bằng hình thức nộp tiền mặt cho U. U đã trực tiếp tư vấn cho 08 khách hàng đến đặt tiệc tại Công ty Villa S (tiệc chủ yếu chưa được tổ chức cho đến ngày U bị Công ty phát hiện). Căn cứ bảng kê thiệt hại của Công ty Villa S, số tiền U thu của 08 khách hàng là 895.207.400 đồng. Tuy nhiên, với tài liệu Công ty cung cấp và tài liệu Cơ quan điều tra thu thập được, xác định bằng hình thức tự in phiếu thu (theo mẫu phiếu thu tại bộ phận lễ tân của Công ty) giao cho khách, U trực tiếp nhận tiền mặt của 08 khách hàng, phân bổ tiền đặt cọc của khách hàng sau để thanh toán cho tiệc khách hàng trước mà U đã nhận tiền mặt (được Công ty tổ chức xong), với số tổng số tiền là 899.943.400 đồng, cụ thể:

1/ Tiệc cưới của khách hàng có tên S:

Tổng tiền tiệc Công ty Villa S phải thu vào thông qua cung ứng dịch vụ là 410.765.285 đồng. Trong đó Công ty thu được số tiền 123.335.285 đồng (03 lần cả thẻ, phụ lục chứng từ ngân hàng số 3,4,7). Còn lại, U thu tiền cọc và một phần tiền tiệc, tiền phòng của khách 02 lần bằng phiếu thu do U tự in từ máy tính của Công ty giao cho khách, thu tổng số tiền 73.000.000 đồng (phiếu thu bản sao) và hai lần thanh toán bằng hình thức cả thẻ, cụ thể: ngày 28/12/2017, số tiền 71.576.000 đồng, U báo miệng thanh toán cho tiệc của Công ty Ritz tổ chức ngày 18/12/2017 (phụ lục chứng từ ngân hàng số 6) và số tiền 45.500.000 đồng, U báo miệng thanh toán cho Công ty Sunplast (phụ lục chứng từ số 5). Như vậy, U đã chiếm đoạt số tiền 190.076.000 đồng, sử dụng cho tiệc khác và chi cho những việc cá nhân.

2/ Tiệc cưới của khách hàng có tên Lê Thị Ngọc O: U trực tiếp thu tiền mặt từ Oanh bằng phiếu thu do U tự in trên máy tính Công ty, tổng số tiền thu 2 lần là 93.744.000 đồng (phiếu thu bản sao và tài liệu trao đổi qua thư điện tử, U xác nhận khách thanh toán tiền cọc tương ứng 40% tiền tiệc là 93.744.000 đồng) và chuyển khoản vào tài khoản của Nguyễn Hoàng Hiếu số tiền 15.233.400

đồng. Với khách hàng Lê Thị Ngọc O, U chiếm đoạt số tiền 108.977.400 đồng không nộp vào Công ty.

3/ Tiệc tất niên của khách hàng có tên Nguyễn Thị Kim Th (Công ty Kiến Trúc Việt);

Tổ chức ngày 27/01/2018, U trực tiếp thu 30.000.000 đồng bằng phiếu thu do U tự in trên máy tính của Công ty.

4/ Tiệc cưới của khách hàng có tên Nguyễn Lê Duy Qu:

U thu tiền cọc 1.500 USD tương đương 33.750.000 đồng bằng phiếu thu do U tự in từ máy tính Công ty và chiếm đoạt số tiền này.

5/ Tiệc cưới của khách hàng Hoàng Thị Kim T:

Tiệc cưới tổ chức ngày 27/10/2018, U thu tiền của khách hai lần: lần 1: U yêu cầu khách chuyển vào tài khoản Công ty 20.000.000 đồng (phụ lục chứng từ ngân hàng số 22), nhưng U phân bổ sang cho tiệc khác để chiếm đoạt (thư điện tử U xác nhận với khách đã nhận được tiền, thư điện tử U gửi cho kế toán, phân bổ cho tiệc của Công ty VN Post Công ty đã tổ chức tiệc xong trước đó); lần 2, U trực tiếp đến Công ty của khách hàng T, thu tiền mặt số tiền 48.250.000 đồng, Ủyển giao phiếu thu do U tự in từ máy tính Công ty (không làm việc được với khách hàng để thu giữ bản gốc, không có thư điện tử), chiếm đoạt số tiền 68.250.000 đồng.

6/ Tiệc cưới của khách hàng Nguyễn Thị Duy Nh:

Tổ chức ngày 07/02/2018: U yêu cầu khách hàng chuyển khoản cho Công ty 03 lần: lần 1, chuyển số tiền 55.000.000 đồng, U gửi thư điện tử báo kế toán thanh toán cho tiệc của khách hàng có tên H tổ chức ngày 25/3/2017 (phụ lục chứng từ ngân hàng số 18); lần 2, chuyển số tiền 39.270.000 đồng, U gửi thư điện tử báo kế toán thanh toán cho tiệc của khách hàng có tên R, tổ chức ngày 17/6/2018 (phụ lục chứng từ ngân hàng số 09); lần 3, chuyển số tiền 11.530.000 đồng, U gửi thư điện tử báo kế toán thanh toán cho tiệc của Công ty Sunplast, tổ chức ngày 29/12/2017 (phụ lục chứng từ ngân hàng số 21). Như vậy, tổng số tiền U chiếm đoạt là 109.800.000 đồng.

7/ Tiệc của khách hàng có tên Nguyễn Diệu Quý C (Công ty Thiết kế thời trang J):

Tổ chức ngày 20/01/2018, U thu 02 lần tổng số tiền là 146.000.000 đồng bằng phiếu thu do U tự in trên máy tính của Công ty.

8/ Ngoài ra, trong năm 2018, Công ty Villa S phải tổ chức tiệc và cung ứng dịch vụ để hoàn trả cho Công ty Sunplast tương ứng với số tiền cọc 213.090.000 đồng trước đó đã chuyển vào tài khoản của Công ty, nhưng U phân bổ thanh toán cho tiệc của khách hàng Công ty S.

Tại cơ quan điều tra, U khai, số tiền chiếm đoạt một phần đã sử dụng cho mục đích cá nhân, một phần để thanh toán, chi trả cho những khoản như giải quyết cho khách thử món vượt số người qui định, thanh toán tiền phòng cho khách vào chụp hình, thuê công hoa, áo cưới, bánh kem với tổng số tiền khoảng

242.842.802 đồng. Ngày 25/9/2020, Công ty Villa S có văn bản chấp nhận các khoản tiền phòng và tiền thanh toán thử món cho U số tiền 169.090.730 đồng.

Ngoài ra, trong tổng số tiền U thu của khách hàng nêu trên, có số tiền 155.000.000 đồng Ủy thu của khách hàng tên S, Minh Q và Kim T. Việc thu tiền này, ngoài phiếu thu bản photo thì không còn tài liệu, chứng cứ vững chắc nào khác để quy buộc (như các trường hợp khác đều có thêm email xác nhận hoặc phiếu thu bản chính đã được giám định). Do đó, theo ngU tắc có lợi cho bị can, không quy kết trách nhiệm của U đối với số tiền 155.000.000 đồng này.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Lê U chiếm đoạt của Công ty Villa S trong hai năm 2017 và 2018 là **1.066.082.645 đồng** (đã trừ khoản tiền 169.090.730 đồng có văn bản xác nhận của Công ty Villa S và số tiền 155.000.000 đồng U thừa nhận có thu nhưng Cơ quan Điều tra không thu được chứng từ chứng minh việc thu tiền của U).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 315/2021/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê U 12 (mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Lê U bồi thường cho Công ty TNHH Villa S số tiền 926.082.645 (chín trăm hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tU về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, bị cáo Nguyễn Lê U kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Số tiền bị cáo chiếm đoạt 1.066.082.645 đồng. Mức hình phạt tòa án sơ thẩm xét xử là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới phát sinh. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ ngU bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã nhận định và tU xử. Tuy nhiên mức án đối với bị cáo là cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Mặc dù tại phiên tòa bị cáo không cung cấp chứng cứ gì mới nhưng bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 2 tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo tranh luận: Lý do bị cáo phát sinh mục đích phạm tội xuất phát từ tiệc công ty xảy ra tranh chấp, công ty đặt tiệc phải thanh toán cho Villa S nhưng công ty đặt tiệc không thực hiện. Bị cáo chiếm đoạt để trả cho khoản tiền chênh lệch, kế toán cũng biết việc bị cáo chiếm đoạt nhưng vẫn để bị cáo làm đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê U được làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Lợi dụng sự tin tưởng của Ban giám đốc Công ty Villa S, lợi dụng nhiệm vụ được giao là điều phối kinh doanh của Công ty, đại diện Công ty ký kết các hợp đồng đặt tiệc với khách hàng, bị cáo U đã làm sai quy trình bằng cách tự ý đưa ra chương trình khuyến mãi, giảm giá... để thu tiền hoặc nhận tiền mặt từ khách hàng đến đặt cọc (dù U không được giao nhiệm vụ thu tiền). Khi khách hàng nộp tiền cho U thì một phần U lấy chi phí vào các dịch vụ khuyến mãi như quảng cáo và chiếm đoạt 1.066.082.645 đồng sử dụng cá nhân. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Lê U về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật,

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã lạm dụng sự tín nhiệm, chiếm đoạt số tiền rất lớn của Công ty trách nhiệm hữu hạn Villa S, xâm phạm đến đến sở hữu tài sản của người khác; bị cáo phạm tội nhiều lần, nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc để xử phạt đối với bị cáo nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bản án sơ thẩm có nhận định áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng chưa quyết định trong phần Quyết định là thiếu sót cần bổ sung.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình. Mức án 12 năm tù mà bản án sơ thẩm đã tU đối với bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ ngU bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê U

Giữ ngU Quyết định bản án sơ thẩm

- Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê U 12 (mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Lê U phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu: VP, HS (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân